ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 874/QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 15 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; số 03/2025/TT-VPCP hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1649/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực chăn nuôi và thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 266/TTr-SNN ngày 13/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trên cơ sở quy trình nội bộ được phê duyệt tại Quyết định này xây dựng, cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Các thủ tục hành chính và quy trình nội bộ sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực:

1. Thủ tục hành chính số thứ tự 01, 03, 06, 07 Mục I; thủ tục hành chính số thứ tự 01, 04, 05, 07, 08, 10, 11, 13, 14 Mục II Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 02/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Chăn nuôi, Thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn.

2. Quy trình nội bộ của thủ tục hành chính có số thứ tự 02 Tiểu mục I; số thứ tự 01 Tiểu mục II, Mục A Phụ lục II; số thứ tự 01, 08 Mục I; số thứ tự 01, 02, 06, 08 Mục II Phần 1 Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 1431/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Chăn nuôi, Thú y, Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn.

3. Quy trình nội bộ của thủ tục hành chính có số thứ tự 03 Tiểu mục I; số thứ tự 03 Tiểu mục II, Mục A, Phần I Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 29/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Nông nghiệp, Chăn nuôi, Thủy sản, Thú y, Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thuỷ sản, khoa học công nghệ và môi trường, Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn, Xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Thanh Nhàn

Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC CHĂN NUÔI, THÚ Y THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LẠNG SƠN

(Kèm theo Quyết định số: 874 /QĐ-UBND ngày 15 /5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (16 TTHC)

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý[1]	Ghi chú
I	**LĨNH VỰC CHĂN NUÔI (06 TTHC)**						
1	1.011033.000.00.00.H37	Cấp giấy phép nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi có chứa chất mới để khảo nghiệm, nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm, làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm hoặc sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu	- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: + Nộp hồ sơ trực tiếp: Tại thời điểm tiếp nhận + Nộp hồ sơ qua BCCI hoặc qua môi trường mạng: 01 ngày làm việc. - Thẩm định nội dung hồ sơ: 07 ngày làm việc	- **Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả:** Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh/xã, phường. - **Cơ quan thực hiện:** Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	- Luật Chăn nuôi năm 2018; - Luật số 146/2025/QH15; - Nghị định 13/2020/NĐ-CP; - Nghị định 46/2022/NĐ-CP; - Nghị định 32/2026/NĐ-CP; - *Nghị quyết 17/2026/NĐ-CP*.	Phân cấp
2	1.011030.000.00.00.H37	Công nhận kết quả khảo nghiệm sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: + Nộp hồ sơ trực tiếp: Tại thời điểm tiếp nhận + Nộp hồ sơ qua BCCI hoặc qua môi trường mạng: 01 ngày làm việc. - Thẩm định nội dung hồ sơ:				

[1] Phần in nghiêng là tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung.

			13 ngày làm việc				
3	1.011031.000.00.00.H37	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: + Nộp hồ sơ trực tiếp: Tại thời điểm tiếp nhận + Nộp hồ sơ qua BCCI hoặc qua môi trường mạng: 01 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và cấp GCN: 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- **Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả:** Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh/xã, phường. - **Cơ quan thực hiện:** Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	- Luật Chăn nuôi năm 2018; - Luật số 146/2025/QH15; - Nghị định 13/2020/NĐ-CP; - Nghị định 46/2022/NĐ-CP; - Nghị định 32/2026/NĐ-CP; - *Nghị quyết 17/2026/NĐ-CP*.	Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC
4	1.008128.000.00.00.H37	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: + Nộp hồ sơ trực tiếp: Tại thời điểm tiếp nhận + Nộp hồ sơ qua BCCI hoặc qua môi trường mạng: 01 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và cấp GCN: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.			- Luật Chăn nuôi năm 2018; - Luật số 146/2025/QH15; - Nghị định 13/2020/NĐ-CP; - Nghị định 32/2026/NĐ-CP - Thông tư 24/2021/TT-BTC; - *Nghị quyết 17/2026/NĐ-CP*.	Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC
5	1.008126.000.00.00.H37	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn (trừ	- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: + Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Tại thời điểm tiếp	- **Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả:** Trung tâm phục vụ hành	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Tiếp nhận hồ	- Luật Chăn nuôi năm 2018; - Luật số 146/2025/QH15; - Nghị định 13/2020/NĐ-	Cắt giảm thời gian

		trường hợp cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	nhận + Trường hợp nộp hồ sơ qua BCCI hoặc qua môi trường mạng: 01 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và cấp GCN: 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận: 13 ngày làm việc đối với trường hợp phải đánh giá điều kiện thực tế; 10 ngày làm việc đối với trường hợp không phải đánh giá điều kiện thực tế	chính công tỉnh/xã, phường. - **Cơ quan thực hiện:** Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	CP; - Nghị định 32/2026/NĐ-CP - Thông tư 24/2021/TT-BTC; - *Nghị quyết 17/2026/NĐ-CP*.	giải quyết TTHC
6	1.008122.000.00.00.H37	Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: + Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Tại thời điểm tiếp nhận + Trường hợp nộp hồ sơ qua BCCI hoặc qua môi trường mạng: 01 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- **Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả:** Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh/xã, phường. - **Cơ quan thực hiện:** Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	- Luật Chăn nuôi năm 2018; - Luật số 146/2025/QH15; - Nghị định 13/2020/NĐ-CP; - Nghị định 32/2026/NĐ-CP; - *Nghị quyết 17/2026/NĐ-CP*.	Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC
II	**LĨNH VỰC THÚ Y (10 TTHC)**						

1	1.011325.000.00.00.H37	Cấp, điều chỉnh, cấp lại Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất	05 ngày làm việc	- **Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả:** Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh/xã, phường. - **Cơ quan thực hiện:** Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	- Luật Thú y; - Luật số 146/2025/QH15; - Nghị định số 105/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 12/2020/TT-BNNPTNT; - Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT; - *Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP;* - Thông tư số 101/2020/TT-BTC;	Phân cấp
2	1.004756.00.00.00.H37	Cấp Chứng chỉ hành nghề thú y	03 ngày làm việc	- **Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả:** Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/xã, phường. - **Cơ quan thực hiện:** Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	- Luật Thú y; - Luật số 146/2025/QH15; - Nghị định 35/2016/NĐ-CP; - Nghị định 32/2026/NĐ-CP; - *Nghị quyết 17/2026/NĐ-CP.* - Thông tư 101/2020/TT-BTC; - Thông tư 64/2025/TT-BTC.	Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC
3	1.002549.000.00.00.H37	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm,	07 ngày làm việc			- Luật Thú y; - Luật số 146/2025/QH15; - Nghị định 35/2016/NĐ-	Cắt giảm thời gian

		vắc xin)				CP; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP; - Nghị định số 80/2022/NĐ-CP; - Nghị định 32/2026/NĐ-CP; - *Nghị quyết 17/2026/NĐ-CP*. - Thông tư 101/2020/TT-BTC;	giải quyết TTHC
4	1.014777.000.00.00.H37	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin)	07 ngày làm việc				
5	1.013809.000.00.00.H37	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma tuý, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	- Trường hợp cấp mới: 07 ngày làm việc. - Trường hợp cơ sở đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y theo quy định của pháp luật về thú y hiện hành, khi có nhu cầu sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất cùng trên dây chuyền sản xuất thuốc thú y đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất: 05 ngày làm việc	- **Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả:** Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/xã, phường. - **Cơ quan thực hiện:** Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	- Luật Thú y; - Luật số 146/2025/QH15; - Nghị định 35/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP; - Nghị định số 105/2021/NĐ-CP; - Nghị định số 80/2022/NĐ-CP; - Nghị định 32/2026/NĐ-CP; - *Nghị quyết 17/2026/NĐ-CP*. - Thông tư 101/2020/TT-BTC;	Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC
6	1.013813.000.00.00.	Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất	07 ngày làm việc				

	H37	ma tuý, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)					
7	1.002409.000.00.00.H37	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	07 ngày làm việc	- **Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả:** Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/xã, phường. - **Cơ quan thực hiện:** Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	- Luật Thú y; - Luật số 146/2025/QH15; - Nghị định 35/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP; - Nghị định số 80/2022/NĐ-CP; - Nghị định 32/2026/NĐ-CP; - *Nghị quyết 17/2026/NĐ-CP*. - Thông tư 101/2020/TT-BTC;	Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC
8	1.014778.000.00.00.H37	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	07 ngày làm việc				
9	1.001686.000.00.00.H37	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	07 ngày làm việc				
10	1.014779.000.00.00.H37	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	07 ngày làm việc				

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC CHĂN NUÔI (01 TTHC)

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Số thứ tự tại Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ thủ tục hành chính
01	1.011032.000.00.00.H37	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	Thủ tục hành chính có số thứ tự 02, Mục I Phụ lục I kèm theo Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 02/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Chăn nuôi, Thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn	Nghị quyết số 17/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Phụ lục II

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LĨNH VỰC CHĂN NUÔI, THÚ Y THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LẠNG SƠN

Kèm theo Quyết định số 874 /QĐ-UBND ngày 15/5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

Phần I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XÂY DỰNG QUY TRÌNH NỘI BỘ THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA (16 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	**LĨNH VỰC CHĂN NUÔI (06 TTHC)**	
1	Cấp giấy phép nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi có chứa chất mới để khảo nghiệm, nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm, làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm hoặc sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu	
2	Công nhận kết quả khảo nghiệm sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	
3	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	
4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	
5	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn (trừ trường hợp cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	
6	Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
II	**LĨNH VỰC THÚ Y (10 TTHC)**	
7	Cấp, điều chỉnh, cấp lại Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất	
8	Cấp Chứng chỉ hành nghề thú y	

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
9	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	
10	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin)	
11	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma tuý, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	
12	Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma tuý, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	
13	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	
14	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	
15	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	
16	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	

Phần II
QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA

CÁC CỤM TỪ VIẾT TẮT

- Trung tâm phục vụ hành chính công: TTPVHCC
- Công chức một cửa: CCMC
- Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản: CN, TY&TS
- Thú y và Tổng hợp: TY&TH
- Chăn nuôi và Thủy sản: CN&TS
- Thủ tục hành chính: TTHC
- Bưu chính công ích: BCCI
- Nhân viên bưu điện: NVBĐ

I. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI (06 TTHC)

1. Cấp giấy phép nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi có chứa chất mới để khảo nghiệm, nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm, làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm hoặc sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu

Tổng thời gian thực hiện TTHC:

- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ:

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn 01 ngày làm việc.

- Thẩm định nội dung hồ sơ: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua BCCI/qua mạng
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận và hẹn giờ trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi và Thủy sản, Chi cục CN, TY&TS	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường/Văn thư/Lãnh đạo phòng CN&TS	0,5 ngày	1,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng CN&TS	0,5 ngày	0,5 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua BCCI/qua mạng
B3	- Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; - Thẩm định nội dung hồ sơ; - Dự thảo Giấy chứng nhận hoặc văn bản không cấp Giấy chứng nhận.	Chuyên viên phòng CN&TS	3,5 ngày	3,5 ngày
B4	- Xem xét kết quả xử lý hồ sơ; trình Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	Lãnh đạo phòng CN&TS	01 ngày	01 ngày
B5	Xem xét, ký ban hành Giấy chứng nhận hoặc văn bản không cấp Giấy chứng nhận	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	01 ngày	01 ngày
B6	Tiếp nhận văn bản đã ký; vào sổ văn bản đi; đóng dấu; số hóa, cập nhật kết quả trên Hệ thống Một cửa điện tử	Văn thư	0,5 ngày	0,5 ngày
B7	- Trả kết quả; thống kê, lưu trữ, theo dõi hồ sơ.	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường/NVBĐ/ Chuyên viên	Không tính thời gian	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			**07 ngày**	**08 ngày**

2. Công nhận kết quả khảo nghiệm sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi

Thời hạn giải quyết:

- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ:

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn 01 ngày làm việc.

- Thành lập Hội đồng đánh giá kết quả khảo nghiệm; Xem xét, ban hành Quyết định; Thông báo công khai Quyết định: Trong thời hạn 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua BCCI/qua mạng
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận và hẹn giờ trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi và Thủy sản, Chi cục CN, TY&TS	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường/Văn thư/Lãnh đạo phòng CN&TS	0,5 ngày	1,5 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua BCCI/qua mạng
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng CN&TS	0,5 ngày	0,5 ngày
B3	- Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; - Thẩm định nội dung hồ sơ; - Dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả khảo nghiệm	Chuyên viên phòng CN&TS	1,5 ngày	1,5 ngày
B4	- Tổ chức họp đánh giá khảo nghiệm	Hội đồng đánh giá kết quả khảo nghiệm	02 ngày	02 ngày
B5	- Hoàn thiện hồ sơ sau; Dự thảo Quyết định công nhận hoặc văn bản không công nhận - Dự thảo văn bản Thông báo công khai Quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan	Chuyên viên phòng CN&TS	03 ngày	03 ngày
B6	- Xem xét kết quả xử lý hồ sơ; trình Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	Lãnh đạo Phòng CN&TS	01 ngày	01 ngày
B7	Xem xét, ký ban hành Quyết định hoặc văn bản không công nhận; Văn bản Thông báo công khai Quyết định	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	01 ngày	01 ngày
B8	Tiếp nhận văn bản đã ký; vào sổ văn bản đi; đóng dấu; số hóa, cập nhật kết quả trên Hệ thống Một cửa điện tử	Văn thư	0,5 ngày	0,5 ngày
B9	Thông báo công khai Quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan	Chuyên viên phòng CN&TS	03 ngày	03 ngày
B10	- Trả kết quả; thống kê, lưu trữ, theo dõi hồ sơ.	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường/NVBĐ/ Chuyên viên	Không tính thời gian	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			**13 ngày**	**14 ngày**

3. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi

Thời hạn giải quyết:

- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ:

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn 01 ngày làm việc.

- Thẩm định hồ sơ, tổ chức đánh giá thực tế; cấp Giấy chứng nhận: Trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua BCCI/qua mạng
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận và hẹn giờ trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi và Thủy sản, Chi cục CN, TY&TS	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường/Văn thư/Lãnh đạo phòng CN&TS	0,5 ngày	1,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng CN&TS	0,5 ngày	0,5 ngày
B3	- Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; - Thẩm định nội dung hồ sơ; - Dự thảo Quyết định thành lập Đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở	Chuyên viên phòng CN&TS	01 ngày	01 ngày
B4	Ký duyệt văn bản thành lập Đoàn kiểm tra.	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	0,5 ngày	0,5 ngày
B5	- Kiểm tra, đánh giá điều kiện thực tế tại cơ sở	Đoàn kiểm tra	04 ngày	04 ngày
B6	- Hoàn thiện hồ sơ sau kiểm tra; - Dự thảo Giấy chứng nhận hoặc văn bản không cấp	Chuyên viên phòng CN&TS	03 ngày	03 ngày
B7	- Xem xét kết quả xử lý hồ sơ; trình Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	Lãnh đạo Phòng CN&TS	01 ngày	01 ngày
B8	Xem xét, ký ban hành Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối;	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	01 ngày	01 ngày
B10	Tiếp nhận văn bản đã ký; vào sổ văn bản đi; đóng dấu; số hóa, cập nhật kết quả trên Hệ thống Một cửa điện tử	Văn thư	0,5 ngày	0,5 ngày
B11	Trả kết quả; thống kê, lưu trữ, theo dõi hồ sơ.	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường/NVBĐ/ Chuyên viên	Không tính thời gian	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			**12 ngày**	**13 ngày**

4. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn

Thời hạn giải quyết:

- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ:

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn 01 ngày làm việc.

- Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi: Trong thời hạn 15 ngày làm việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua mạng hoặc BCCI
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận và hẹn giờ trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi và Thủy sản, Chi cục CN, TY&TS	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường /Văn thư Sở/ Lãnh đạo Phòng CN&TS	0,5 ngày	2,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng CN&TS	0,5 ngày	0,5 ngày
B3	- Thẩm định hồ sơ: - Dự thảo văn bản Thành lập Đoàn kiểm tra đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở	Chuyên viên Phòng CN&TS	02 ngày	02 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên, trình lãnh đạo Chi cục	Lãnh đạo Phòng CN&TS	01 ngày	01 ngày
B5	Ký duyệt văn bản thành lập Đoàn kiểm tra.	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	0,5 ngày	0,5 ngày
B6	Kiểm tra, đánh giá thực tế điều kiện thực tế của cơ sở sản	Đoàn kiểm tra	06 ngày	06 ngày
B7	- Xem xét Biên bản kiểm tra, hoàn thiện hồ sơ trình lãnh đạo Phòng CN, &TS; - Dự thảo Giấy chứng nhận hoặc văn bản không cấp.	Chuyên viên Phòng CN&TS	02 ngày	02 ngày
B8	Xem xét hồ sơ đã hoàn thiện, trình	Lãnh đạo Phòng	01 ngày	01 ngày

	lãnh đạo Chi cục dự thảo Giấy chứng nhận hoặc văn bản không cấp	CN, TS&TY		
B9	Xem xét, ký duyệt văn bản liên quan	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	01 ngày	01 ngày
B10	Tiếp nhận văn bản đã ký; vào sổ văn bản đi; đóng dấu; số hóa, cập nhật kết quả trên Hệ thống Một cửa điện tử	Văn thư	0,5 ngày	0,5 ngày
B11	Trả kết quả giải quyết; Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường/NVBĐ/ Chuyên viên	Không tính thời gian	
	Tổng thời gian giải quyết		**15 ngày**	**16 ngày**

5. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn (trừ trường hợp cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu)

5.1. Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn bổ sung

Thời hạn giải quyết:

- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ:

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn 01 ngày làm việc.

- Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 13 ngày làm việc

TT	**Trình tự**	**Trách nhiệm thực hiện**	**Thời gian thực hiện**	
			Nộp trực tiếp	**Nộp qua mạng hoặc BCCI**
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử; chuyển đến Lãnh đạo Phòng CN&TS, Chi cục CN, TY&TS.	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường /Văn thư/ Lãnh đạo Phòng CN&TS	0,5 ngày	1,5 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua mạng hoặc BCCI
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng CN&TS	0,5 ngày	0,5 ngày
B3	- Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp đạt yêu cầu dự thảo văn bản Thành lập Đoàn kiểm tra đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở	Chuyên viên Phòng CN&TS	02 ngày	02 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên, trình lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	Lãnh đạo Phòng CN&TS	01 ngày	01 ngày
B5	Ký duyệt văn bản thành lập Đoàn kiểm tra điều kiện cơ sở	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	0,5 ngày	0,5 ngày
B6	Kiểm tra, đánh giá thực tế điều kiện thực tế của cơ sở	Đoàn kiểm tra	04 ngày	04 ngày
B7	- Xem xét Biên bản kiểm tra, hoàn thiện hồ sơ trình lãnh đạo Phòng CN&TS - Dự thảo Giấy chứng nhận hoặc văn bản không cấp	Chuyên viên Phòng CN&TS	02 ngày	02 ngày
B8	Xem xét hồ sơ đã hoàn thiện, báo cáo kết quả xử lý, trình lãnh đạo Chi cục dự thảo văn bản trả kết quả	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	01 ngày	01 ngày
B9	Xem xét, ký duyệt văn bản liên quan	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	01 ngày	01 ngày
B10	Tiếp nhận văn bản đã ký; vào sổ văn bản đi; đóng dấu; số hóa, cập nhật kết quả trên Hệ thống Một cửa điện tử	Văn thư	0,5 ngày	0,5 ngày
B11	Trả kết quả giải quyết; Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường/NVBĐ/ Chuyên viên	Không tính thời gian	
	Tổng thời gian giải quyết		**13 ngày**	**14 ngày**

5.2. Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng

5.2.1. Đối với trường hợp nước nhập khẩu không yêu cầu phải đánh giá điều kiện thực tế để cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi

Thời hạn giải quyết:

- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ:

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn 01 ngày làm việc.

- Thẩm định hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận: Trong thời hạn 10 ngày làm việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua mạng hoặc BCCI
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử; chuyển đến Lãnh đạo Phòng CN&TS, Chi cục CN, TY&TS.	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường /Văn thư/ Lãnh đạo Phòng CN&TS	0,5 ngày	1,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng CN&TS	0,5 ngày	0,5 ngày
B3	- Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp đạt yêu cầu dự thảo Giấy chứng nhận hoặc văn bản không cấp	Chuyên viên Phòng CN&TS	06 ngày	06 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên, trình lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	Lãnh đạo Phòng CN&TS	1,5 ngày	1,5 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt Giấy chứng nhận hoặc văn bản không cấp	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	01 ngày	01 ngày
B6	Tiếp nhận văn bản đã ký; vào sổ văn bản đi; đóng dấu; số hóa, cập nhật kết quả trên Hệ thống Một cửa điện tử	Văn thư	0,5 ngày	0,5 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết; Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường/NVBĐ/	Không tính thời gian	

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua mạng hoặc BCCI
		Chuyên viên		
	Tổng thời gian giải quyết		**10 ngày**	**11 ngày**

5.2.2. Đối với trường hợp nước nhập khẩu yêu cầu phải đánh giá điều kiện thực tế để cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi

Thời hạn giải quyết:

- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ:

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn 01 ngày làm việc.

- Thẩm định hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận: 13 ngày làm việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua mạng hoặc BCCI
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử; chuyển đến Lãnh đạo Phòng CN&TS, Chi cục CN, TY&TS.	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường /Văn thư/ Lãnh đạo Phòng CN&TS	0,5 ngày	1,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng CN&TS	0,5 ngày	0,5 ngày
B3	- Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp đạt yêu cầu dự thảo văn bản Thành lập Đoàn kiểm tra đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở	Chuyên viên Phòng CN&TS	02 ngày	02 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên, trình lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	Lãnh đạo Phòng CN&TS	01 ngày	01 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua mạng hoặc BCCI
B5	Ký duyệt văn bản thành lập Đoàn kiểm tra điều kiện cơ sở	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	0,5 ngày	0,5 ngày
B6	Kiểm tra, đánh giá thực tế điều kiện thực tế của cơ sở	Đoàn kiểm tra	04 ngày	04 ngày
B7	- Xem xét Biên bản kiểm tra, hoàn thiện hồ sơ trình lãnh đạo Phòng CN&TS - Dự thảo Giấy chứng nhận hoặc văn bản không cấp	Chuyên viên Phòng CN&TS	02 ngày	02 ngày
B8	Xem xét hồ sơ đã hoàn thiện, báo cáo kết quả xử lý, trình lãnh đạo Chi cục dự thảo văn bản trả kết quả	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	01 ngày	01 ngày
B9	Xem xét, ký duyệt văn bản liên quan	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	01 ngày	01 ngày
B10	Tiếp nhận văn bản đã ký; vào sổ văn bản đi; đóng dấu; số hóa, cập nhật kết quả trên Hệ thống Một cửa điện tử	Văn thư	0,5 ngày	0,5 ngày
B11	Trả kết quả giải quyết; Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường/NVBĐ/ Chuyên viên	Không tính thời gian	
	Tổng thời gian giải quyết		**13 ngày**	**14 ngày**

6. Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Tổng thời gian thực hiện TTHC:

- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ:

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn 01 ngày làm việc

- Thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 10 ngày làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			Nộp trực tiếp	Nộp qua mạng hoặc BCCI
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử; chuyển đến Lãnh đạo Phòng CN&TS, Chi cục CN, TY&TS.	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường / Văn thư/ Lãnh đạo Phòng CN&TS	0,5 ngày	1,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng CN&TS	0,5 ngày	0,5 ngày
B3	- Thẩm định hồ sơ - Dự thảo Giấy phép nhập khẩu hoặc văn bản không đồng ý	Chuyên viên Phòng CN&TS	5,5 ngày	01 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	Lãnh đạo Phòng CN&TS	02 ngày	0,5 ngày
B5	Phê duyệt Văn bản trình ký	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	01 ngày	01 ngày
B6	Tiếp nhận văn bản đã ký; vào sổ văn bản đi; đóng dấu; số hóa, cập nhật kết quả trên Hệ thống Một cửa điện tử	Văn thư	0,5 ngày	0,5 ngày
B7	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường /NVBĐ/ Chuyên viên	Không tính thời gian	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			**10 ngày**	**11 ngày**

II. LĨNH VỰC THÚ Y (10 TTHC)

1. Cấp, điều chỉnh, cấp lại Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất

Tổng thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; ghi giấy biên nhận và hẹn giờ trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo Phòng TY&TH, Chi cục CN, TY&TS	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường/Văn thư/Lãnh đạo phòng TY&TH	0,5 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng TY&TH	0,5 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B3	- Thẩm định hồ sơ - Dự thảo Giấy phép nhập khẩu hoặc văn bản không đồng ý	Chuyên viên phòng TY&TH	02 ngày
B4	- Xem xét kết quả xử lý hồ sơ; trình Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	Lãnh đạo Phòng TY&TH	0,5 ngày
B5	Xem xét, ký ban hành Giấy phép hoặc văn bản không đồng ý	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	01 ngày
B6	Tiếp nhận văn bản đã ký; vào sổ văn bản đi; đóng dấu; số hóa, cập nhật kết quả trên Hệ thống Một cửa điện tử	Văn thư	0,5 ngày
B7	- Trả kết quả; thống kê, lưu trữ, theo dõi hồ sơ.	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường/NVBĐ/ Chuyên viên	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			**05 ngày**

2. Cấp Chứng chỉ hành nghề thú y

Tổng thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc x 08 giờ = 24 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử; chuyển đến Lãnh đạo Phòng TY&TH, Chi cục CN, TY&TS	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường /Văn thư/ Lãnh đạo Phòng TY&TH	02 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng TY&TH	04 giờ
B3	- Thẩm định hồ sơ: - Dự thảo Chứng chỉ hành nghề thú y và chuyển hồ sơ cùng ý kiến xử lý cho lãnh đạo Phòng TY&TH	Chuyên viên Phòng TY&TH	08 giờ
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Chi cục	Lãnh đạo Phòng TY&TH	04 giờ
B5	Duyệt hồ sơ, ký văn bản: - Nếu đồng ý: Ký duyệt Chứng chỉ hành nghề thú y - Nếu không đồng ý: Chuyển lại lãnh	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	04 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	đạo Phòng xử lý.		
B6	Tiếp nhận văn bản đã ký; vào sổ văn bản đi; đóng dấu; số hóa, cập nhật kết quả trên Hệ thống Một cửa điện tử	Văn thư	02 giờ
B7	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường /NVBĐ/ Chuyên viên	Không tính thời gian
	Tổng thời gian giải quyết		**24 giờ**

3. Nhóm TTHC, bao gồm:

3.1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)

3.2. Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin)

3.3. Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma tuý, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)

3.4. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y.

3.5. Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y

3.6. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y

3.7. Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y

Thời gian giải quyết 01 TTHC: 07 ngày làm việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử; chuyển đến Lãnh đạo Phòng TY&TH, Chi cục CN, TY&TS	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường /Văn thư/ Lãnh đạo Phòng TY&TH	02 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng TY&TH	02 giờ
B3	- Thẩm định hồ sơ - Trường hợp đạt yêu cầu dự thảo văn bản Thành lập Đoàn kiểm tra đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở	Chuyên viên Phòng TY&TH	08 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên, trình lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	Lãnh đạo Phòng TY&TH	04 giờ
B5	Ký duyệt văn bản thành lập Đoàn kiểm tra	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	04 giờ
B6	Kiểm tra, đánh giá thực tế điều kiện thực tế của cơ sở sản	Đoàn kiểm tra	16 giờ
B7	Xem xét Biên bản kiểm tra, hoàn thiện hồ sơ, dự thảo văn bản trả kết quả trình Lãnh đạo Phòng CN&TS	Chuyên viên Phòng TY&TH	08 giờ
B8	Xem xét hồ sơ đã hoàn thiện, trình lãnh đạo Chi cục	Lãnh đạo Phòng TY&TH	04 giờ
B9	Xem xét, ký duyệt văn bản trả kết quả	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	04 giờ
B10	Tiếp nhận văn bản đã ký; vào sổ văn bản đi; đóng dấu; số hóa, cập nhật kết quả trên Hệ thống Một cửa điện tử	Văn thư	04 giờ
B11	Trả kết quả giải quyết; Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường/NVBĐ/ Chuyên viên	Không tính thời gian
	Tổng thời gian giải quyết		**56 giờ**

4. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma tuý, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)

4.1. Trường hợp cấp mới

Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc x 08 giờ = 56 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử; chuyển đến Lãnh đạo Phòng TY&TH, Chi cục CN, TY&TS	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường /Văn thư/ Lãnh đạo Phòng TY&TH	02 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng TY&TH	02 giờ
B3	- Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp đạt yêu cầu dự thảo văn bản Thành lập Đoàn kiểm tra đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở	Chuyên viên Phòng TY&TH	08 giờ
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên, trình lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	Lãnh đạo Phòng TY&TH	04 giờ
B5	Ký duyệt văn bản thành lập Đoàn kiểm tra điều kiện cơ sở	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	04 giờ
B6	Kiểm tra, đánh giá thực tế điều kiện thực tế của cơ sở	Đoàn kiểm tra	16 giờ
B7	Xem xét Biên bản kiểm tra, hoàn thiện hồ sơ trình Phòng Chi cục CN&TS	Chuyên viên Phòng TY&TH	08 giờ
B8	Xem xét hồ sơ đã hoàn thiện, báo cáo kết quả xử lý, trình lãnh đạo Chi cục dự thảo văn bản trả kết quả	Lãnh đạo Phòng TY&TH	04 giờ
B9	Xem xét, ký duyệt văn bản liên quan	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	04 giờ
B10	Tiếp nhận văn bản đã ký; vào sổ văn bản đi; đóng dấu; số hóa, cập nhật kết quả trên Hệ thống Một cửa điện tử	Văn thư	04 giờ
B11	Trả kết quả giải quyết; Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường/NVBĐ/ Chuyên viên	Không tính thời gian
	Tổng thời gian giải quyết		**56 giờ**

4.2. Trường hợp cơ sở đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y theo quy định của pháp luật về thú y hiện hành, khi có nhu cầu sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất cùng trên dây chuyền sản xuất thuốc thú y đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất.

Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc x 08 giờ = 40 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử; chuyển đến Lãnh đạo Phòng TY&TH, Chi cục CN, TY&TS	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư/ Lãnh đạo Phòng TY&TH	04 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng TY&TH	04 giờ
B3	- Thẩm định hồ sơ - Dự thảo Giấy chứng hoặc văn bản không cấp; chuyển hồ sơ cùng ý kiến xử lý cho lãnh đạo Phòng TY&TH	Chuyên viên Phòng TY&TH	20 giờ
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Chi cục	Lãnh đạo Phòng TY&TH	04 giờ
B5	Duyệt hồ sơ, ký văn bản	Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS	04 giờ
B6	Tiếp nhận văn bản đã ký; vào sổ văn bản đi; đóng dấu; số hóa, cập nhật kết quả trên Hệ thống Một cửa điện tử	Văn thư	04 giờ
B7	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê và theo dõi	CCMC Sở tại TTPVHCC/NVBĐ/ Chuyên viên	Không tính thời gian
	Tổng thời gian giải quyết		**40 giờ**